

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 258/2017/TLST–HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện C, tỉnh T.

*- Bị đơn:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện C, tỉnh T.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 26/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày: Bà với ông H chung sống vợ chồng năm 1993, có đăng ký kết hôn năm 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2014, ông H xin đi làm ăn xa nhưng không nói đi đâu, thời gian đầu ông H còn thường xuyên về thăm gia đình. Kéo dài đến năm 2016 thì ông H đã thay

đổi, không còn về thăm gia đình nhưng vì còn thương chồng con nên bà cố gắng gìn giữ hạnh phúc, nhẫn nhịn chờ đợi ông H trở về. Mặc dù mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không lớn nhưng ông H đã cắt đứt tình cảm vợ chồng khoảng ba năm nay, không liên lạc với bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Phan Thị N, sinh ngày 30/6/1994 và Phan Thanh P, sinh ngày 24/4/1998 đã thành niên và lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn phiên kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông H theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông H là hợp pháp. Bà T xác định sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như trên. Nay bà T xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Xét thời gian vợ chồng ly thân đã lâu nhưng ông H không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng và cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu ly hôn của bà T nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Hơn nữa, bà T vẫn cương quyết xin ly hôn với ông H.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông H có hai con chung tên Phan Thị N, sinh ngày 30/6/1994 và Phan Thanh P, sinh ngày 24/4/1998. Chị N và anh P đã thành niên, bà T xác định chị N và anh P có khả năng lao động và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Tài sản chung bà T không yêu cầu, nợ chung bà T xác định không có, ông H không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nếu sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với ông Phan Văn H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 14562 ngày 30/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà T đã thi hành xong án phí.

3. Bà T, ông H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**